

Bản án số: 19/2024/LĐ – ST
Ngày: 06 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng lao động,
bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Vững, từng công tác tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Cần Giuộc;

2. Ông Phạm Minh Hiếu, công tác tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giuộc;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:**
Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST- LĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST - LĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện C, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Bà Ngô Thị Trúc Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện G, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn H; Địa chỉ: D1 – D2, khu công nghiệp R, xã O, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông U, Phó tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh L. Địa chỉ: Số X, Y, phường Z, thành phố Q, tỉnh

Long An.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày: Năm 2009, bà có cho bà Ngô Thị Trúc Đ, sinh năm 1993 mượn giấy tờ tùy thân để xin việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn H (Sau đây viết là Công ty H) và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội (sau đây viết là BHXH), theo sổ BHXH số 8010000927 do BHXH tỉnh L cấp mang tên Nguyễn Thị Thu S, thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010.

Tháng 10/2010, bà tiếp tục cho bà Ngô Thị Trúc Đ mượn giấy tờ tùy thân để xin việc tại Công ty H và được Công ty tham gia BHXH theo sổ BHXH số 8010039653 do BHXH tỉnh L cấp mang tên Nguyễn Thị Thu S, thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2010.

Tháng 11/2009, bà thực tế làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Sau đây viết là Công ty N) và được Công ty tham gia BHXH theo sổ BHXH số 8009020412 do BHXH tỉnh L cấp ngày 07/11/2009. Tháng 03/2024, bà xin nghỉ việc và giải quyết chế độ BHXH thì bà phát hiện bà bị trùng thời gian tham gia BHXH giữa sổ BHXH số 8009020412 với sổ BHXH số 8010000927 và sổ BHXH số 8010039653.

Vì vậy, bà khởi kiện bà Ngô Thị Trúc Đ, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty H và bà Ngô Thị Trúc Đ (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị Thu S), thời gian làm việc từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010 và từ tháng 10/2010 đến 11/2010.

Điều chỉnh sổ BHXH số 8010000927 và sổ BHXH số 8010039653 do BHXH tỉnh L cấp cho bà Nguyễn Thị Thu S thành tên Ngô Thị Trúc Đ. Hiện bà không có giữ bản chính sổ BHXH số 8010000927 và sổ BHXH số 8010039653. Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị Trúc Đ trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu S.

Năm 2009, bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Thu S để xin việc làm tại Công ty H và được Công ty tham gia BHXH theo sổ BHXH số 8010000927 do BHXH tỉnh L cấp mang tên Nguyễn Thị Thu S, thời gian làm việc và đóng BHXH là từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010 thì bà nghỉ việc.

Tháng 10/2010, bà tiếp tục mượn giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Thu S để xin việc tại Công ty H và được Công ty tham gia BHXH theo sổ BHXH mã số 8010039653 do BHXH tỉnh L cấp mang tên Nguyễn Thị Thu S, thời gian làm việc và đóng BHXH từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2010.

Hiện, bà không có giữ bản chính sổ BHXH số 8010000927 và sổ BHXH số 8010039653, bà cũng chưa lãnh chế độ BHXH đối với 02 sổ BHXH này. Bà không yêu cầu gộp sổ BHXH của bà, bà sẽ tự giải quyết với cơ quan BHXH, bà xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có ý kiến: Công ty H có kê khai đóng BHXH, BHTN cho người lao động tên Nguyễn Thị Thu S, sổ sổ BHXH được cấp là 8010000927 và 8010039653. Sổ BHXH số 8010000927 có quá trình đóng từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010; sổ BHXH số 8010039653 có quá trình đóng từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2010. Hiện 02 sổ BHXH này chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH và BHTN. Đồng thời, BHXH tỉnh L xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H có ý kiến: Công ty H có nhận được hồ sơ xin việc của bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1988, căn cứ vào đó Công ty đã giao kết hợp đồng với bà Nguyễn Thị Thu S. Người lao động không có thông báo với Công ty về việc người lao động mượn hoặc cho ai khác mượn thông tin cá nhân để giao kết hợp đồng lao động với Công ty. Hiện, Công ty không còn quan hệ lao động với bà Nguyễn Thị Thu S. Các hồ sơ tài liệu của người lao động trên 05 năm thì Công ty đã hủy nên hiện tại chỉ cung cấp cho Tòa án Hợp đồng lao động số B2786/HĐ/2010 ngày 27/9/2010 giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Thu S. Công ty H đề nghị Tòa án xét xử vụ án, bảo đảm quyền lợi cho Công ty. Đồng thời, Công ty H xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty H với bà Ngô Thị Trúc Đ (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị Thu S); điều chỉnh sổ BHXH số 8010000927 có quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010 và sổ BHXH số 8010039653 có quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2010 mang tên Nguyễn Thị Thu S làm việc tại Công ty H thành tên của bà Ngô Thị Trúc Đ. Bà S và bà Đ được hưởng chế độ BHXH theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu S khởi kiện bà Ngô Thị Trúc Đ, yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội. Bà Ngô Thị Trúc Đ có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đều có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị Thu S và bà Ngô Thị Trúc Đ thống nhất xác định vào năm 2009 và năm 2010 bà S có cho bà Đ mượn giấy tờ tùy thân để bà Đ giao kết hai hợp đồng lao động với Công ty H, thời gian làm việc lần lượt từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010 và từ tháng 10/2010 đến 11/2010. Công ty H xác định tháng 10/2010, Công ty có giao kết hợp đồng lao động số B2786/HĐ/2010 với người lao động có thông tin nhân thân tên Nguyễn Thị Thu S. Công ty H không có ý kiến đối với hợp đồng lao động từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010. Tuy nhiên, do bà S và bà Đ đã thừa nhận tháng 11/2009, bà S cho bà Đ mượn thông tin nhân thân để làm việc tại Công ty H nên căn cứ theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vào tháng 11/2009 và tháng 10/2010, bà Ngô Thị Trúc Đ đã sử dụng thông tin nhân thân của bà Nguyễn Thị Thu S để giao kết hai hợp đồng lao động với Công ty H. Trên hợp đồng lao động thì tên người lao động là bà Nguyễn Thị Thu S nhưng thực tế người ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty H là bà Ngô Thị Trúc Đ.

Như vậy, giữa bà S và Công ty H không tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động. Thay vào đó, bà Đ mới là người lao động, có tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động với Công ty H theo quy định tại Điều 7, 27 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002.

Tuy nhiên, bà Đ sử dụng thông tin của bà S để giao kết hợp đồng lao động với Công ty H là không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Công ty H sử dụng lao động là bà Đ nhưng lại giao kết hợp đồng lao động theo thông tin của bà S nên Công ty H chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 7, 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm.

Vậy nên, khi giao kết hợp đồng lao động, bà Đ và Công ty H đều vi phạm quy định của pháp luật lao động. Nay bà S yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động là có cơ sở. Căn cứ theo Khoản 4 Điều 166 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Ngô Thị Trúc Đ (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị Thu S) với Công ty H trong thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010 và hợp đồng lao động số B2786/HĐ/2010 ngày 27/9/2010 giữa bà Ngô Thị Trúc Đ (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị Thu S)

với Công ty H, thời gian làm việc từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Yêu cầu điều chỉnh sổ BHXH: BHXH tỉnh L xác định Công ty H có kê khai đóng BHXH, BHTN cho người lao động tên Nguyễn Thị Thu S, sổ BHXH được cấp là 8010000927 có quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010 và sổ BHXH số 8010039653 có quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2010, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH và BHTN.

Tuy nhiên, từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010 và từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2010, người lao động làm việc tại Công ty H là bà Ngô Thị Trúc Đ. Thời điểm tháng 11/2009, bà Đ đã đủ 15 tuổi theo quy định tại Điều 6 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Nay, bà S và bà Đ thống nhất điều chỉnh 02 sổ BHXH nêu trên thành tên của bà Ngô Thị Trúc Đ là có cơ sở, phù hợp với thực tế. Việc điều chỉnh này là bảo đảm đúng đối tượng lao động, phù hợp với quy định về BHXH tại Điều 140 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, nên được chấp nhận, điều chỉnh sổ BHXH số 8010000927 và sổ BHXH số 8010039653 từ tên Nguyễn Thị Thu S thành tên Ngô Thị Trúc Đ. Bà Đ được hưởng các chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Đ với Công ty H. Bà S được hưởng các chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà S với Công ty N.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu S tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, 7, 9, 27, 140, 166 của Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 7, Điều 8 của Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm; điểm a Khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S với bị đơn bà Ngô Thị Trúc Đ về việc tranh chấp hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội.

Tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Ngô Thị Trúc Đ (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị Thu S) với Công ty trách nhiệm hữu hạn H, trong thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

Tuyên bố Hợp đồng lao động số B2786/HĐ/2010 ngày 27/9/2010 được giao kết giữa bà Ngô Thị Trúc Đ (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị Thu S) với Công ty trách nhiệm hữu hạn H, trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010000927 cấp cho bà Nguyễn Thị Thu S do Công ty trách nhiệm hữu hạn H nộp trong thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2010 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên bà Ngô Thị Trúc Đ.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010039653 cấp cho bà Nguyễn Thị Thu S do Công ty trách nhiệm hữu hạn H nộp trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2010 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên bà Ngô Thị Trúc Đ.

Bà Ngô Thị Trúc Đ được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Ngô Thị Trúc Đ với Công ty trách nhiệm hữu hạn H theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010000927 và sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010039653 đã được điều chỉnh.

Bà Nguyễn Thị Thu S được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Thu S với Công ty trách nhiệm hữu hạn N.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu S tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm là 600.000 đồng. Tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thu S có nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013341 ngày 30/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí. Bà Nguyễn Thị Thu S còn phải nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương

